

Số: 219/NQ-HĐND

Quảng Bình, ngày 11 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025, năm 2024 và phân bổ Kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Quảng Bình (Nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 19**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025, giao dự toán, kế hoạch đầu tư công từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương, kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn ngân sách Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 71/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh của HĐND tỉnh về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách tỉnh quản lý (lần 1) và Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (lần 1) và thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (lần 2) nguồn ngân sách tỉnh quản lý; Nghị quyết số 138/NQ-HĐND ngày 02 tháng 10 năm 2023; Nghị quyết 201/NQ-HĐND ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 và năm 2024 (nguồn ngân sách tỉnh quản lý);

Căn cứ Nghị quyết số 215/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025;



Xét Tờ trình số 2263/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết về Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025, năm 2024 và phân bổ Kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Quảng Bình (nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý); sau khi nghe Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và năm 2024 (Nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý) như sau:

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 và Nghị quyết số 201/NQ-HĐND ngày 25/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh với số tiền: 126.138 triệu đồng.

- Điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 tại Nghị quyết số 151/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 và Nghị quyết số 201/NQ-HĐND ngày 25/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh với số tiền: 6.664 triệu đồng.

(Chi tiết có Phụ lục 1, 2 kèm theo)

Điều 2. Thông qua Kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Quảng Bình (Nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý) như sau:

Tổng nguồn vốn đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách tỉnh quản lý là: **2.573.498 triệu đồng**. Trong đó:

1. Nguồn vốn đầu tư công năm 2025 do tỉnh quản lý, phân bổ là: **1.081.286 triệu đồng** (Bằng chữ: Một nghìn không trăm tám mươi một tỷ hai trăm tám mươi sáu triệu đồng chẵn). Trong đó:

- | | |
|--|--------------------|
| - Vốn tập trung trong nước: | 266.000 triệu đồng |
| - Vốn thu cấp quyền sử dụng đất: | 707.442 triệu đồng |
| - Vốn xổ số kiến thiết: | 82.000 triệu đồng |
| - Nguồn thu phí sử dụng KCHT khu vực cửa khẩu: | 25.844 triệu đồng |

2. Nguồn vốn đầu tư công năm 2025 do các huyện, thị xã, thành phố phân bổ là: **1.492.212 triệu đồng** (Bằng chữ: Một nghìn bốn trăm chín mươi hai tỷ hai trăm mười hai triệu đồng chẵn). Trong đó:

- | | |
|----------------------------------|----------------------|
| - Vốn tập trung trong nước: | 177.230 triệu đồng |
| - Vốn thu cấp quyền sử dụng đất: | 1.314.982 triệu đồng |

3. Cơ cấu nguồn vốn, phương án phân bổ và danh mục các dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Quảng Bình (nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý) tại các Phụ lục 3, 4, 5, 6, 7 kèm theo.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

- UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật. Đối với các nguồn vốn chưa phân bổ chi tiết, lập phương án phân bổ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Căn cứ tình hình thực tế từ các nguồn thu hợp pháp khác, giao UBND tỉnh cân đối, trình HĐND tỉnh xem xét, điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2025 đảm bảo đủ nguồn vốn để thực hiện Kế hoạch Đầu tư công trung hạn 2021-2025 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; các đại biểu HĐND tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVIII, kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2024, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và đầu tư, Bộ Tài chính, Ngoại giao;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban, các Tổ và các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Quảng Bình; Đài PT-TH Quảng Bình; Trung tâm TH-CB;
- Lưu: VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.



Trần Hải Châu

PHƯƠNG ANH - BIỂU CHINH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng



TT	Đanh mục Dự án	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư				KH 2021-2025	Điều chỉnh		KH 2021-2025 điều chỉnh	Ghi chú
			Số QĐ; ngày tháng năm ban hành	TMĐT		KH 2021-2025		Giảm (-)	Tăng (+)		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST						
	TỔNG SỐ		577.732	375.177	343.740	126.138	126.138	343.740			
	Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 và Nghị quyết 201/NQ-HĐND ngày 25/10/2024		168.082	157.147	143.710	26.138	26.138	143.710			
1	Điều chỉnh giảm KHDTC trung hạn 2021-2025		156.697	155.697	136.710	26.138		110.572			
1	Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ, tỉnh Quảng Bình (JICA2)	Quảng Bình	1828/QĐ-UBND ngày 10/8/2012; 3075/QĐ-UBND ngày 31/8/2017	21.367	20.367	2.300	1.800	500			
2	Dự án hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tình chống chịu vùng ven biển tỉnh Quảng Bình	Quảng Bình	548/QĐ-TTg ngày 21/4/2017 1757/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 3479/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	31.330	31.330	28.530	8.841	19.689			
3	Xử lý ô nhiễm môi trường các điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại một số xã trên địa bàn huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình	Quảng Ninh	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 3132/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	25.000	25.000	24.250	4.250	20.000			
4	Dường tuần tra bảo vệ rừng kết hợp du lịch sinh thái Khe nước Trong thuộc khu DTTN Đông Khê-Châu Khê nước Trong	Lệ Thủy	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 1528/QĐ-UBND ngày 8/6/2022	12.000	12.000	11.640	450	11.190			
5	Xây dựng bản đồ ngập lụt và phân mềm cảnh báo lũ phục vụ công tác Phòng chống thiên tai cho 03 lưu vực sông lớn trên địa bàn tỉnh Quảng Bình	Toàn tỉnh	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2459/QĐ-UBND ngày 13/09/2022	10.000	10.000	9.700	867	8.833			
6	Sửa chữa, nâng cấp đường cấp cứu hố, cứu nạn hố chứa nước Rào Đá, huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 1568/QĐ-UBND ngày 10/6/2022	5.000	5.000	4.850	330	4.520			

[Handwritten signature]

7	Xây dựng cầu Đực Nghĩa (Km3+430/ĐT.570B), thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 787/QĐ-UBND ngày 28/3/2022	52.000	52.000	50.440	5.600		44.840	
8	Hỗ trợ đầu tư PCCC theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 quy định việc xử lý các cơ sở không bảo đảm yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn tỉnh Quảng Bình được đưa vào sử dụng trước ngày Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 có hiệu lực thi hành					5.000	4.000		1.000	
II	Điều chỉnh tăng KHDTC trung hạn 2021-2025			11.385	1.450			26.138	33.138	
1	Tăng cường sinh kế thích ứng với biến đổi khí hậu và cung cấp, quản lý nguồn nước sạch cho người dân vùng nông thôn tại huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình	Lệ Thủy		11.385	1.450			435	435	
2	Dự phòng kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025					7.000		25.703	32.703	
	Phân bổ Nghị quyết 201/NQ-HĐND ngày 25/10/2024			409.650	218.030	200.030	100.000	100.000	200.030	
1	Nguồn vốn còn lại chưa bố					143.000	100.000		43.000	Số vốn còn lại sẽ phân bổ cho dự án hoàn thành thủ tục
2	Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiêu dự án tỉnh Quảng Bình (ADB)	Quảng Bình	1769/QĐ-UBND ngày 30/5/2018	409.650	218.030	57030		100.000	157.030	

[Handwritten signature]

PHỤ LỤC 2: DIỆU CHỈNH BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ

(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)



TT	Đanh mục Dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư		KH 2024	Điều chỉnh		KH 2024 điều chỉnh	Ghi chú
				Số QĐ; ngày tháng năm ban hành	TMDT		Giảm (-)	Tăng (+)		
	TỔNG SỐ					30.357	6.664	6.664	30.357	
	Nghị quyết số 151/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 và Nghị quyết 201 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công năm 2024					30.357	6.664	6.664	30.357	
1	Hỗ trợ doanh nghiệp theo các chính sách ưu đãi của tỉnh và hỗ trợ các dự án PPP; Hỗ trợ cho các doanh nghiệp cung cấp hàng hóa, dịch vụ công ích (bao gồm bổ sung vốn điều lệ cho Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Quảng Bình)					2.001	1.001		1.000	
2	Hỗ trợ đầu tư PCCC theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 quy định việc xử lý các cơ sở không bảo đảm yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn tỉnh Quảng Bình được đưa vào sử dụng trước ngày Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 có hiệu lực thi hành					5.000	5.000			
3	Bổ trí công trình hoàn thành quyết toán và trả nợ xây dựng cơ bản					3.856	663		3.193	
4	Chương trình Phát triển làm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025	Toàn tỉnh	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 133/QĐ-UBND ngày 18/01/2023		25.000	25.000	663	7.163	Văn bản số 3493/SNN-DAN ngày 2/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5	Xây dựng mới Trạm Biên phòng CKQT Cha Lo và nâng cấp, cải tạo, sửa chữa một số trạm, tổ công tác biên phòng.	Mình Hòa	2024-2026	136/NQ-HĐND ngày 12/10/2023		30.000	30.000	2.000	7.500	Văn bản số 3245/BCH-HCKT ngày 8/11/2024 của BCH Bộ đội Biên phòng
6	Xây dựng Trụ sở xã Ngư Thủy	Lê Thủy	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3852/QĐ-UBND ngày 30/12/2022		15.000	15.000	2.000	6.500	Văn bản số 2824/TT-UBND ngày 8/11/2024 của UBND huyện
7	Xây dựng Hồ Khe Luộc và Kê Tam Hương, huyện Lệ Thủy	Lê Thủy	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3439/QĐ-UBND ngày 8/12/2022		15.000	15.000	2.001	5.001	Văn bản số 2824/TT-UBND ngày 8/11/2024 của UBND huyện

ĐVT: Triệu đồng

PHỤ LỤC 03: PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025
NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH QUẬN LÝ

(Kèm theo Nghị quyết số 219/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Phương án phân bổ	Kế hoạch 2021-2025	Kế hoạch vốn đã giao đến năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025
	Tổng nguồn	11.459.130	8.540.440	2.573.498
I	Vốn do tỉnh phân bổ	4.382.290	2.669.040	1.081.286
1	Bố trí các công trình hoàn thành quyết toán và trả nợ XDCB	100.000	67.622	10.000
2	Vốn đối ứng các dự án ODA	274.420	125.753	129.368
4	Bố trí các công trình trọng điểm, có tính liên kết vùng	1.166.000	916.256	174.744
5	Đối ứng 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và nguồn vốn thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh	51.000	25.000	26.000
5.1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Bình	50.000	25.000	25.000
5.4	Hỗ trợ đầu tư PCCC theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 quy định việc xử lý các cơ sở không bảo đảm yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn tỉnh Quảng Bình được đưa vào sử dụng trước ngày Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 có hiệu lực thi hành	1.000		1.000
6	Bố trí vốn cho các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	2.046.470	1.395.897	455.924
7	Chuẩn bị đầu tư và Quy hoạch	70.000	5.000	20.000
8	Hỗ trợ DN theo các chính sách ưu đãi của tỉnh và hỗ trợ các dự án PPP; Hỗ trợ cho các DN cung cấp hàng hóa, dịch vụ công ích (bao gồm bổ sung vốn điều lệ cho Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Quảng Bình)	70.000	28.699	5.000
10	Bố trí các dự án khởi công mới năm 2024	604.400	104.813	260.250
II	Vốn do huyện, thị xã, thành phố phân bổ	7.076.840	5.871.400	1.492.212
1	Vốn tập trung trong nước	1.026.840	733.060	177.230
-	Thành phố Đồng Hới			20.457
-	Huyện Minh Hóa			21.952
-	Huyện Tuyên Hóa			20.066

-	Huyện Quảng Trạch			19.717
-	Thị xã Ba Đồn			19.752
-	Huyện Bố Trạch			28.900
-	Huyện Quảng Ninh			19.144
-	Huyện Lệ Thủy			27.242
2	Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất	6.050.000	5.138.340	1.314.982
-	Thành phố Đồng Hới			475.782
-	Huyện Minh Hóa			4.455
-	Huyện Tuyên Hóa			35.290
-	Huyện Quảng Trạch			180.920
-	Thị xã Ba Đồn			176.000
-	Huyện Bố Trạch			184.460
-	Huyện Quảng Ninh			154.635
-	Huyện Lệ Thủy			103.440

[Handwritten signature]

PHỤ LỤC 04: ĐỐI ƯNG CÁC DỰ ÁN ODA

(Tên địa phương quyết số 219/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)



Đơn vị: Triệu đồng

Số	Dự án	Địa điểm XD	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Số vốn đã giao đến hết năm 2024		Kế hoạch năm 2025
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số: vốn NS tỉnh			
	TỔNG SỐ					684.863	401.952	243.429	243.429	129.368
1	Dự án môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiêu dự án thành phố Đồng Hới (WB)	Đồng Hới	2017	2024	3520/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	177.769	96.413	72.814	72.814	4.300
2	Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiêu dự án tỉnh Quảng Bình (ADB)	Quảng Bình	2018	2025	1769/QĐ-UBND ngày 30/5/2018	409.650	218.030	114.020	114.020	104.010
3	Dự án hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Quảng Bình	Quảng Bình	2018	2023	548/QĐ-TTg ngày 21/4/2017 1757/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 3479/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	31.330	31.330	22.439	22.439	50
4	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng - giai đoạn 2, Tiêu dự án tỉnh Quảng Bình	Quảng Bình	2018	2024	3590/QĐ-UBND ngày 25/10/2018; 1142/QĐ-UBND ngày 14/4/2020	40.699	40.699	26.764	26.764	13.935
5	Dự án cải thiện thu nhập bền vững và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vì cộng đồng nông thôn hòa bình tỉnh Quảng Bình	Toàn tỉnh	2021	2025	617/TTg-QHQT ngày 12/5/2021	14.030	14.030	7.392	7.392	6.638
6	Tăng cường sinh kế thích ứng với biến đổi khí hậu và cung cấp, quản lý nguồn nước sạch cho người dân vùng nông thôn tại huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình	Lệ Thủy	2025	2026	216/NQ-HĐND ngày 11/12/2024	11.385	1.450			435

PHỤ LỤC 5: CÁC CÔNG TRÌNH TRONG ĐIỂM, CÓ TÍNH LIÊN KẾT VÙNG

(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)



TT	Tên dự án	Địa điểm XD	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2024		KH 2025	
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					Trong đó: vốn NS tỉnh
TỔNG SỐ											
1	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quảng Bình (cơ sở 2)	Ba Đồn	2022	2025	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 3777/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	3.872.000	1.175.000	1.166.000	1.666.340	916.256	174.744
2	Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3 tỉnh Quảng Bình	Toàn tỉnh	2021	2026	160/NQ-HĐND ngày 09/12/2020; 27/NQ-HĐND ngày 29/10/2021;	3.497.000	800.000	800.000	1.487.340	737.256	62.744

PHỤ LỤC 06: CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP

(Kèm theo Nghị quyết, số 219/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng



TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2024		KH năm 2025	
					QĐ chủ trương đầu tư	TMĐT		Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					Trong đó: NS tỉnh
	TỔNG CỘNG				2.492.975	2.102.975	2.046.470	1.395.897	1.395.897	455.924	
A	LĨNH VỰC KINH TẾ				1.259.575	1.229.575	1.192.970	898.798	898.798	235.172	
I	THỦY LỢI, NƯỚC SẠCH				161.500	161.500	156.660	114.597	114.597	36.063	
1	Xây dựng hệ thống kênh mương và hệ thống đập tràn hồ chứa nước Tróoc Trâu (Giai đoạn 2)	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3930/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	28.000	28.000	27.160	20.500	20.500	6.660
2	Xây dựng Kè biển Hải Trạch, xã Hải Phú	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3331/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	20.000	20.000	19.400	18.847	18.847	553
3	Xây dựng kè chống sạt lở các xã Hiền Ninh, Trường Xuân	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3893/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	18.000	18.000	17.460	16.600	16.600	860
4	Xây dựng Hồ Khe Luốc và Kè Tam Hương, huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3439/QĐ-UBND ngày 8/12/2022	15.000	15.000	14.550	11.050	11.050	3.500
5	Xây dựng, nạo vét và gia cố kênh thoát lũ từ cầu Mệ Sỏi đến thôn Rẫy Cau (Đoạn từ Cầu Rẫy Cau đến đường Nguyễn Dóa)	Đông Hải	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 1820/QĐ-UBND ngày 04/07/2023	15.000	15.000	14.550	8.700	8.700	5.850
6	Thuyền mương thoát lũ, đường và kè khu vực Đông Láng xã Hải Phú, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3651/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	15.000	15.000	14.550	9.300	9.300	5.250
7	Nâng cấp, mở rộng công trình nước sạch nông thôn	các huyện	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	23.000	23.000	22.310	10.200	10.200	6.110
8	Kè chống sạt lở bờ suối xã Hòa Sơn, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3536/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	17.500	17.500	16.980	10.800	10.800	6.180



PHỤ LỤC 06: CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP

(Kèm theo Nghị quyết số 219/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2024		KH năm 2025
					QĐ chủ trương đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMBT		Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
9	Xây dựng Kênh tưới Nguyệt Áng - Thê Lộc - Tân Thành, xã Tân Ninh, huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2023	2025		56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 2988/QĐ-UBND ngày 01/11/2022	10.000	10.000	8.600	8.600	1.100
II	GIAO THÔNG							905.000	666.701	666.701	165.419
1	Nâng cấp tuyến Đường tỉnh 562	Bố Trạch	2023	2025		56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 92/NQ-HĐND ngày 10/12/2022	120.000	120.000	71.877	71.877	24.523
2	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường hai đầu cầu Cồn Năm xã Quảng Minh, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025		56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 191/QĐ-UBND ngày 03/2/2023	20.000	20.000	15.920	15.920	3.480
3	Đường giao thông từ thị trấn Đồng Lê đi xã Thuần Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025		56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3467/QĐ-UBND ngày 01/2/2022	20.000	20.000	12.500	12.500	6.900
4	Đầu tư xây dựng đường nối từ trục N2 đi các xã phía Bắc và kết nối với trục B2 trước nhà máy may, huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023	2025		56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 3408/QĐ-UBND ngày 07/12/2022	40.000	40.000	21.080	21.080	12.720
5	Tuyến đường từ ngã tư trung tâm thị trấn Quy Đạt đi tổ dân phố 2, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025		56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3739/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	22.000	22.000	15.800	15.800	5.540
6	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Hàm Ninh, Võ Ninh, Duy Ninh	Quảng Ninh	2023	2025		56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3649/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	28.000	28.000	22.900	22.900	4.260
7	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Sơn Thủy, Hoa Thủy, Thị trấn Nông trường Lệ Ninh	Lệ Thủy	2023	2025		56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3479/QĐ-UBND ngày 12/12/2022	34.000	34.000	30.600	30.600	2.380
8	Cầu thôn Ba Đa, xã Nghĩa Ninh, thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2023	2025		56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 2951/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	28.000	28.000	17.000	17.000	5.160
9	Hoàn thiện các tuyến đường giao thông nội thị tại thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2023	2025		56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3766/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	40.000	40.000	27.300	27.300	6.500

PHỤ LỤC 06: CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP

(Kèm theo Nghị quyết số 21/9/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2024		KH năm 2025	
					QĐ chủ trương đầu tư	TMBĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số
10	Đường Nguyễn Hữu Cảnh nối dài, đoạn từ ngã tư Võ Nguyên Giáp đi quốc lộ 1A, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3503/QĐ-UBND ngày 13/12/2022	27.000	27.000	26.190	19.470	19.470	6.720
11	Đầu tư xây dựng hạ tầng tuyến đường từ chợ Quảng Lưu đi Trung tâm xã Quảng Thạch kết nối tỉnh lộ 22	Quảng Thạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3036/QĐ-UBND ngày 7/11/2022	28.000	28.000	27.160	26.540	26.540	620
12	Tuyến đường nối đường Hai Bà Trưng đến trường Mầm non số 1 thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 27/05/2022; 3811/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	20.000	20.000	19.400	7.800	7.800	6.600
13	Tuyến đường liên xã Hải Phú đi Sơn Lộc (đoạn từ Sơn Lộc đi ngã ba Thọ Lộc)	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3416/QĐ-UBND ngày 7/12/2022	19.000	19.000	18.430	17.500	17.500	930
14	Tuyến đường kết nối trung tâm Thị xã Ba Đồn đi trung tâm huyện Quảng Trạch	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 27/05/2022; 2346/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	27.000	27.000	26.190	25.450	25.450	740
15	Đầu tư xây dựng các tuyến đường xã Quảng Châu, huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3857/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	16.000	16.000	15.520	14.880	14.880	640
16	Xây dựng tuyến đường giao thông từ xã Phúc Trạch đi các xã Lâm Trạch và Liên Trạch, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3712/QĐ-UBND ngày 26/12/2022	15.000	15.000	14.550	10.900	10.900	3.650
17	Đầu tư xây dựng đường giao thông liên xã Lê Hóa - Kim Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 3380/QĐ-UBND ngày 02/12/2022	30.000	30.000	29.100	18.400	18.400	10.700
18	Tuyến đường giao thông xã Hòa Thanh, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3733/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	15.000	15.000	14.550	9.400	9.400	5.150
19	Đường giao thông liên xã từ Hoàn Lão đi Tây Trạch	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3763/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	20.000	20.000	19.400	14.900	14.900	4.500

PHỤ LỤC 06: CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP

(Kèm theo Nghị quyết số 219/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2024		KH năm 2025
					QĐ chủ trương đầu tư	TMDT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
20	Đường liên xã Quảng Tiến đi Quảng Trung, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3690/QĐ-UBND ngày 26/12/2022	15.000	15.000	14.550	11.100	11.100	3.450
21	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Trường Thủy, Thái Thủy và Dương Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3403/QĐ-UBND ngày 7/12/2022	30.000	30.000	29.100	28.150	28.150	950
22	Đầu tư xây dựng các tuyến đường tại xã Quảng Lưu và xã Quảng Hợp, huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3788/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	15.000	15.000	14.550	13.869	13.869	681
23	Đường nối từ Trung tâm giáo dục dạy nghề đi thị trấn Đồng Lễ, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3848/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	20.000	20.000	19.400	16.880	16.880	2.520
24	Cầu vượt lừ Tân Lý, xã Minh Hóa, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 92/NQ-HĐND số ngày 10/12/2022; 3797/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	29.000	29.000	28.400	24.100	24.100	4.300
25	Tuyến đường từ Trung tâm xã Tây Trạch đi đường Hồ Chí Minh, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3710/QĐ-UBND ngày 26/12/2022	15.000	15.000	14.550	12.200	12.200	2.350
26	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ trung tâm huyện đi các xã phía Đông Bắc huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3650/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	25.000	15.000	14.550	9.360	9.360	5.190
27	Xây dựng tuyến đường từ cầu Hói Cửa, xã An Thủy đi phía tây huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 2591/QĐ-UBND ngày 26/9/2022	17.000	17.000	16.490	16.090	16.090	400
28	Tuyến đường giao thông đường Võ Thị Sáu, Phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 2870/QĐ-UBND ngày 24/10/2022	15.000	15.000	14.550	13.900	13.900	650
29	Đầu tư xây dựng các tuyến đường xã Quảng Xuân, huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3225/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	22.000	22.000	21.340	21.155	21.155	185

PHỤ LỤC 06: CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP

(Kèm theo Nghị quyết số 219/NQ-HBND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2024		KH năm 2025
					QĐ chủ trương đầu tư	TMĐT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
30	Đầu tư xây dựng tuyến đường xã Yên Hòa	Mình Hóa	2023	2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022; 3644/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	22.000	22.000	21.340	10.500	10.500	10.840
31	Xây dựng tuyến đường 30 nối QL1A với đường về nhà lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022; 2504/QĐ-UBND ngày 07/09/2023	28.000	28.000	27.160	26.950	26.950	210
32	Xây dựng tuyến đường cứu hộ, cứu nạn các xã phía nam huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022; 3449/QĐ-UBND ngày 9/12/2022	15.000	15.000	14.550	9.250	9.250	5.300
33	Xây dựng tuyến đường giao thông kết nối Đường Hồ Chí Minh vào trung tâm Thị trấn Nông Trường Việt-Trung	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022; 3702/QĐ-UBND ngày 26/12/2022	15.000	15.000	14.550	11.500	11.500	3.050
34	Đường nối từ Hà Nam vào Trung tâm xã Thạch Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022; 3293/QĐ-UBND ngày 28/11/2022	15.000	15.000	14.550	10.780	10.780	3.770
35	Tuyến đường từ cầu Ngắm Rình - Thanh Liêm, xã Trung Hóa, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022; 3286/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	15.000	15.000	14.550	11.400	11.400	3.150
36	Xây dựng Cầu và đường hai đầu cầu Trường Sơn thuộc tuyến đường Trường Xuân - Trường Sơn	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022; 3189/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	33.000	33.000	32.010	19.300	19.300	6.710
	HÀ TÀNG KỸ THUẬT					125.575	125.575	121.810	95.200	95.200	19.610
1	Hệ thống trang trí đèn LED dọc sông Nhật Lệ (Đoạn từ thôn Mỹ Cảnh đến thôn Hà Thôn, xã Bảo Ninh)	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022; 3931/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	15.000	15.000	14.550	12.400	12.400	2.150
2	Xây dựng khu tái định cư di dời các hộ dân bị ảnh hưởng bởi nhà máy xi măng Áng Sơn, xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022; 3353/QĐ-UBND ngày 01/12/2022	9.000	9.000	8.730	7.900	7.900	830
3	Chính trang đô thị đường Trường Pháp	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022; 3895/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	36.575	36.575	35.480	28.500	28.500	6.980

PHỤ LỤC 06: CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP

(Kèm theo Nghị quyết số 219/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

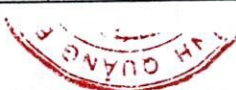
TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2024		KH năm 2025
					QĐ chủ trương đầu tư	TMBT	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
4	Xây dựng hạ tầng và đường giao thông kết nối Bệnh viện Đa khoa huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	65.000	65.000	63.050	46.400	46.400	9.650
	DU LỊCH					57.500	37.500	36.380	22.300	22.300	14.080
1	Xây dựng Trung tâm thông tin và hỗ trợ khách Du lịch tại Phong Nha Kẻ Bàng	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 1566/QĐ-UBND ngày 10/06/2022	12.500	12.500	12.130	7.300	7.300	4.830
2	Xây dựng Quảng trường biển, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 2806/QĐ-UBND ngày 05/10/2023	45.000	25.000	24.250	15.000	15.000	9.250
B	LĨNH VỰC VĂN HÓA XÃ HỘI					1.072.000	712.000	695.710	407.016	407.016	163.095
I	Y TẾ					489.000	339.000	330.000	192.786	192.786	81.214
1	Xây dựng Bệnh viện Đa khoa huyện Quảng Ninh (cơ sở 2)	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	120.000	120.000	116.400	39.000	39.000	44.400
2	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh (CDC)	Đồng Hới	2023	2025	57/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 2855/QĐ-UBND ngày 20/10/2022	259.000	109.000	106.900	87.900	87.900	12.000
3	Đầu tư xây dựng Khu kỹ thuật và điều trị liên chuyên khoa, bệnh viện đa khoa huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3854/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	50.000	50.000	48.500	29.000	29.000	10.500
4	Đầu tư xây dựng khuôn viên hạ tầng kỹ thuật, khu khám và điều trị phòng khám đa khoa khu vực Thanh Lạng, xã Thanh Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 1726/QĐ-UBND ngày 27/6/2023	6.000	6.000	5.820	5.500	5.500	320
5	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các trạm y tế thuộc trung tâm y tế huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 2371/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	22.000	22.000	21.340	15.486	15.486	5.854

PHỤ LỤC 06: CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP

(Kèm theo Nghị quyết số 21/9/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2024		KH năm 2025	
					QB chi trả tương đương tư	TMĐT		Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					Trong đó: NS tỉnh
6	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các trạm y tế thuộc trung tâm y tế huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 2982/QĐ-UBND ngày 20/10/2023	32.000	32.000	31.040	15.900	15.900	8.140
II	VĂN HÓA, THỂ DỤC THỂ THAO, KHOA HỌC CÔNG NGHỆ					583.000	373.000	365.710	214.230	214.230	81.881
1	Bảo tồn, tôn tạo, giữ gìn bảo vệ cảnh quan môi trường cho di tích khảo cổ Bầu Tró	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	50.000	50.000	48.500	3.886	3.886	20.015
2	Xây dựng Trung tâm thể dục thể thao huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 1426/QĐ-UBND ngày 05/06/2023	75.000	75.000	72.750	34.100	34.100	21.650
3	Nhà thi đấu đa năng và các công trình phụ trợ, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 2644/QĐ-UBND ngày 19/9/2023	75.000	75.000	72.750	44.400	44.400	15.350
4	Sân vận động trung tâm huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3839/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	25.000	25.000	24.250	17.400	17.400	6.850
5	Cải tạo, sửa chữa nhà thiếu nhi Quảng Bình	Đồng Hới	2023	2025	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 92/NQ-HĐND ngày 10/12/2022; 1712/QĐ-UBND ngày 23/06/2023	8.000	8.000	7.760	7.530	7.530	230
6	Trung tâm Thể dục thể thao tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2025	41/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 4364/QĐ-UBND ngày 25/12/2021 của UBND tỉnh 198/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	340.000	130.000	130.000	100.000	100.000	15.000
7	Đầu tư hệ thống Trung tâm chuẩn, thiết bị đo lường, thử nghiệm	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 1109/QĐ-UBND ngày 11/5/2023	10.000	10.000	9.700	6.914	6.914	2.786



PHỤ LỤC 06: CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP

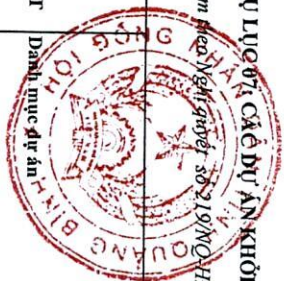
(Kèm theo Nghị quyết số 219/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2024		KH năm 2025
					QĐ chủ trương đầu tư	TMBĐT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
C	LĨNH VỰC KHÁC										
1	Nâng cấp cơ sở vật chất và đầu tư hệ thống công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của HĐND tỉnh	Đồng Hới	2023	2025	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 92/NQ-HĐND ngày 10/12/2022; 851/QĐ-UBND ngày 17/4/2023	161.400	161.400	157.790	90.083	90.083	57.657
2	Đầu tư xây dựng 22 trụ sở công an xã thuộc Công an tỉnh Quảng Bình (giai đoạn 1)	Đồng Hới	2023	2025	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 57/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 92/NQ-HĐND ngày 10/12/2022; 2613/QĐ-UBND ngày 18/01/2023	22.000	22.000	21.340	14.500	12.800	8.540
3	Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025	Toàn tỉnh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 133/QĐ-UBND ngày 18/01/2023	25.000	25.000	24.250	15.763	15.763	8.487
4	Cầu kiểm soát Cửa Sông Gianh	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3282/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	15.000	15.000	14.550	11.600	11.600	2.950
5	Xây dựng Ký túc xá sinh viên Trường Cao đẳng Y tế Quảng Bình	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3796/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	12.500	12.500	12.130	7.800	7.800	4.330
6	Điểm trung bày, giới thiệu sản phẩm và kết nối, hỗ trợ phụ nữ sáng tạo khởi nghiệp	Đồng Hới	2022	2025	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2320/QĐ-UBND ngày 26/08/2022	8.900	8.900	8.720	6.320	6.320	2.400
7	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư công trình cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu tư xã Bảo Ninh	Đồng Hới	2022	2025	72/NQ-HĐND ngày 26/7/2022; 1410/QĐ-UBND ngày 2/6/2023	38.000	38.000	38.000	12.200	12.200	15.750
8	Xây dựng Trụ sở xã Ngư Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3852/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	15.000	15.000	14.550	9.100	9.100	5.450

PHỤ LỤC 01 CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 219/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)



ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	QĐ chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư		Kế hoạch 2021-2025	KH năm 2024	KH năm 2025
						TMDT	Trong đó: NS tỉnh			
	TỔNG CỘNG					1.101.459	688.000	604.400	104.813	260.250
I	Lĩnh vực an ninh, quốc phòng					266.500	266.500	249.000	21.000	107.663
1	Xây dựng mới Trạm Biên phòng CKQT Cha Lo và nâng cấp, cải tạo, sửa chữa một số trạm, tổ công tác biên phòng.	Minh Hóa	2024	2026	136/NQ-HĐND ngày 12/10/2023	30.000	30.000	24.500	7.500	7.663
2	Bệnh xá Công an tỉnh	Đông Hới	2024	2026	136/NQ-HĐND ngày 12/10/2023	41.500	41.500	34.000	7.000	9.000
3	Doanh trại Huấn luyện tập trung lực lượng dân quân biên và hệ thống kê chống sạt lở Doanh trại Đào Hòn La	Quảng Trạch	2024	2026	136/NQ-HĐND ngày 12/10/2023	25.000	25.000	20.500	5.000	5.500
4	Đầu tư xây dựng Trụ sở Công an xã (56 xã) thuộc Công an tỉnh Quảng Bình	Tào nhân	2024	2025	27/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	140.000	140.000	140.000	1.000	70.000
5	Đầu tư trang thiết bị nghiệp vụ phòng chống tội phạm ma túy, tội phạm sử dụng công nghệ cao	Đông Hới	2024	2025	28/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	30.000	30.000	30.000	500	15.500
II	Lĩnh vực nông nghiệp					515.659	182.000	141.500	31.500	58.000
1	Nâng cấp hồ chứa nước Dạ Lam	Lệ Thủy	2024	2025	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	14.000	14.000	14.000	3.000	5.000
2	Xây dựng một số hạng mục thiết yếu Cảng cá Nhật Lệ tại thôn Cửa Phú, xã Bảo Ninh	Đông Hới	2024	2025	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	21.000	21.000	21.000	4.000	6.000
3	Đầu tư xây dựng cảng cá Roòn (giai đoạn 2)	Quảng Trạch	2024	2025	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	20.000	20.000	20.000	4.000	7.000

PHỤ LỤC 07: CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 219/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	KH năm 2024	KH năm 2025
					TMĐT		Trong đó: NS tính			
					QĐ chủ trương đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				
4	Xây dựng củng cố đê, kè chống sạt lở cửa sông Nhật Lệ, thành phố Đồng Hới giai đoạn 2 (đoạn từ Km0+724 đến Km1+200)	Đồng Hới	2024	2026	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	48.000	48.000	30.000	7.000	10.000
5	Nâng cấp Hồ Trước Vực	Bố Trạch	2024	2025	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	20.000	20.000	20.000	5.000	7.000
6	Kè chống sạt lở đồi núi Thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa (giai đoạn 1)	Minh Hóa	2024	2026	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 198/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	43.000	43.000	20.500	500	15.000
7	Khu neo đậu tránh trú bão tàu cá Bắc Gianh (Hỗ trợ đèn bù GPMB)	Ba Đồn	2024	2025	4895/QĐ-BNN-TS ngày 16/11/2023; 1528/QĐ-UBND ngày 3/6/2024	349.659	16.000	16.000	8.000	8.000
III	Lĩnh vực giáo dục					70.000	70.000	70.000	20.703	49.297
1	Xây dựng nhà vệ sinh, cải tạo hạ tầng kỹ thuật và cơ sở vật chất khác Trường THCS và THPT Trung Hoà	Minh Hóa	2024	2025	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	3.000	3.000	3.000	1.500	1.500
2	Xây dựng khối phòng học 3 tầng 6 phòng, nhà vệ sinh và cơ sở vật chất khác Trường THPT Phan Bội Châu	Tuyên Hóa	2024	2025	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	12.000	12.000	12.000	3.000	9.000
3	Xây dựng khối phòng học bộ môn 3 tầng 12 phòng và cơ sở vật chất khác Trường THPT Trần Phú	Bố Trạch	2024	2025	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	14.000	14.000	14.000	3.500	10.500
4	Xây dựng dãy nhà lớp học 3 tầng 9 phòng học và cơ sở vật chất khác Trường Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh	Đồng Hới	2024	2025	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	8.500	8.500	8.500	2.500	6.000
5	Xây dựng khối phòng học bộ môn 3 tầng 6 phòng và cơ sở vật chất khác Trường THPT Đào Duy Từ	Đồng Hới	2024	2025	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	8.500	8.500	8.500	2.500	6.000
6	Xây dựng khối phòng học 3 tầng 04 phòng học và 6 phòng sinh hoạt tổ chuyên môn, nhà vệ sinh và cơ sở vật chất khác Trường THCS&THPT Bắc Sơn	Tuyên Hóa	2024	2025	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	13.000	13.000	13.000	4.000	9.000

PHỤ LỤC 07: CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 21/19/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	QĐ chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư		Kế hoạch 2021-2025	KH năm 2024	KH năm 2025
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh			
7	Xây dựng khối phòng học 3 tầng (8 phòng bộ môn + thư viện) và cơ sở vật chất khác Trường THCS&THPT Việt Trung	Bố Trạch	2024	2025	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	11.000	11.000	11.000	3.703	7.297
IV	Lĩnh vực khác					249.300	169.500	143.900	31.610	45.290
1	Đầu tư xây dựng khoa Ung bướu - Xã ti, Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam-Cuba Đông Hải	Đông Hải	2024	2025	136/NQ-HĐND ngày 12/10/2023	95.000	95.000	95.000	18.790	26.210
2	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật cầu kết hợp đường 2 đầu cầu qua thôn Minh Tiến, xã Quảng Minh, thị xã Ba Đồn.	Ba Đồn	2024	2026	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 149/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	85.000	45.000	19.400	4.500	7.900
3	Trang thiết bị nội thất và các hạng mục phụ trợ Trung tâm Văn hóa huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2024	2025	197/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	20.000	20.000	20.000	5.320	4.680
4	Dự án Trung tâm truyền thông - Giáo dục sức khỏe tỉnh Quảng Bình	Đông Hải	2024	2025	198/NQ-HĐND ngày 25/10/2024	49.300	9.500	9.500	3.000	6.500